

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HS-ST

Ngày 27-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Lê Trường Hải.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Chung.**

Bà **Bùi Thị Truyền.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Quốc Thịnh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Xuân Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2017/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2018 và Thông báo xét xử ngày 05/02/2018 đối với các bị cáo:

1. **Lê Đ. M. T.** - sinh năm 1995 tại Khánh Hòa. Nơi cư trú: Tổ d, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Đ. L - Sinh năm 1966 và bà: Trần T. A – sinh năm 1973; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/10/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn ngày 13/10/2017 hiện đang tại ngoại, có mặt.

2. **Nguyễn Đ** - sinh ngày 14 tháng 6 năm 1995 tại Khánh Hòa. Nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đ - sinh năm 1968 và bà: Nguyễn T. T. H – Sinh năm 1970; Tiền án: Không; Tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người bị hại:* **Lê P. T.**, sinh ngày: 12/02/2012.

Người đại diện quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Lê P. T: Ông **Lê Đ. H.Q.**, sinh năm: 1983 và bà **Hồ T. A. T.**, sinh năm: 1984

Cùng trú tại: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Là người đại diện hợp pháp của người bị hại Lê Ph. T, được biết:

Ông Q, bà T không yêu cầu người bảo vệ quyền lợi cho cháu Lê P. T tại phiên tòa sơ thẩm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Lê Đ. H. Q**, sinh năm: 1983.

Trú tại: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

2. Ông **Nguyễn Đ**, sinh năm: 1962.

Trú tại: Tổ dân phố V, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

3. Bà **Phạm T. T. H**, sinh năm: 1996.

Trú tại: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 28/12/2016, Nguyễn Đ điều khiển xe mô tô biển số 79H1-400.72 chở Lê Đ. M. T từ huyện V đến thị xã N thăm người quen. Khi đến thôn T, xã N, thị xã N thấy cháu Lê P. T (sinh năm 2012) cầm điện thoại di động hiệu Iphone 5S của ông Lê Đ. H. Q (cha của T) đang ngồi chơi trước nhà gần đường Quốc lộ 26. T và Đ rủ nhau cướp giật tài sản thì Đ lái xe đến gần và dừng lại cho T chạy bộ đến giật điện thoại trên tay cháu T rồi lên xe cho Đ chở tẩu thoát. Khi về đến huyện V, Đ đưa cho T 750.000đ để lấy điện thoại cho người yêu là Phạm T. T. H sử dụng thì bị phát hiện. Sau khi phạm tội Lê Đ. M. T bỏ trốn, đến ngày 04/10/2017 T ra đầu thú.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 07 ngày 17/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Ninh Hòa thì điện thoại di động hiệu Iphone 5S do Lê Đ. M. T và Nguyễn Đ chiếm đoạt trị giá 3.040.000đ.

Tại bản cáo trạng số 81/2017/KSĐT-TA ngày 27/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đã truy tố bị cáo Lê Đ. M. T và Nguyễn Đ về tội "*cướp giật tài sản*" theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự như nội dung đã nêu trên.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng vị đại diện Viện kiểm sát đã truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người đại diện quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Lê P. T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đ không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999 đối với bị cáo Thiên và đề nghị xử phạt bị cáo Lê Đ. M. T từ 01

năm 06 tháng đến 02 năm tù; Áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm b, g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46, điểm h khoản 1 Điều 48 và Điều 60 Bộ luật hình sự 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Đ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 năm đến 03 năm. Ngoài ra còn về trách nhiệm dân sự, Người đại diện quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại vắng mặt và có đơn bãi nại không yêu cầu bồi thường đối với các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đ không yêu cầu gì nên không xem xét, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm T. T. H vắng mặt nên cần tách thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu. Về vật chứng đã được cơ quan điều tra xử lý nên không xem xét.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đ không có ý kiến tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Thiên nói lời nói sau cùng có nội dung cụ thể như sau: *“Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo”*.

Bị cáo Đ nói lời nói sau cùng có nội dung cụ thể như sau: *“Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là trái pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời”*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, người đại diện quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Lê P. T có đơn không yêu cầu người bảo vệ quyền lợi cho cháu Lê Phước Tài đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bồi thường đối với bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm T. T. H được triệu tập hợp lệ vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 191 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Đ. M. T và Nguyễn Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, Người đại diện quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo bản kết luận định giá tài sản số 07 ngày 17/01/2017 thì tài sản do Lê Đ. M. T và Nguyễn Đ chiếm đoạt trị giá 3.040.000đ. Như vậy, khẳng định cáo trạng số 81/2017/KSĐT-TA ngày 27/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đã truy tố bị cáo Lê Đ. M. T và Nguyễn Đ về tội *"cướp giật tài sản"* theo khoản 1 Điều 136; điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2003 là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất táo bạo, liều lĩnh ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác. Xét về tính chất vụ án mà các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, các bị cáo đủ khả năng nhận thức hành vi cướp giật tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm, coi thường pháp luật. Đây là vụ án đồng phạm gián

đơn, các bị cáo cùng thống nhất thực hiện hành vi phạm tội nên cần đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của từng hành vi, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để ra mức hình phạt phù hợp quy định pháp luật và tương xứng với hành vi phạm tội nhằm mục đích giáo dục, cải tạo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung tội phạm.

[4] Đối với bị cáo Lê Đ. M. T: Bị cáo tham gia với vai trò người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Sau khi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn cho cơ quan điều tra. Trong quá trình điều tra lại tiếp tục phạm tội và đã bị cơ quan điều tra khởi tố vụ án khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định. Tuy nhiên, khi quyết định mức hình phạt cần xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ như sau: Bị cáo không biết chữ nên trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế, chưa có tiền án, tiền sự; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tài sản phạm tội có giá trị không lớn được quy định tại điểm g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 2003 giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo sớm trở về với gia đình.

[5] Đối với bị cáo Nguyễn Đ: Trong vụ án này bị cáo tham gia với vai trò là người giúp sức tích cực cho bị cáo Thiên thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người bị hại nên cần có mức áp tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, khi quyết định mức hình phạt cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ như sau: Có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và được người đại diện quyền và lợi ích của bị hại có đơn xin bãi nại được quy định tại điểm b, g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2003. Ngoài ra bị cáo có nơi cư trú ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng thêm Điều 60 Bộ luật hình sự không cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung tội phạm.

[6] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội đối với trẻ em là người bị hại Lê P. T (sinh ngày 12/02/2012), Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2003 đối với các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2003 xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Đ đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 và điều 60 Bộ luật hình sự năm 2003. Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Ninh Hòa,

Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, Người đại diện quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại vắng mặt và không yêu cầu các bị cáo bồi thường về phần dân sự nên hội đồng xét xử không xem xét. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì nên không xem xét, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm T. T. H vắng mặt nên cần tách thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[9] Về vật chứng: Đã được cơ quan điều tra xử lý nên không xem xét.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ Nghị quyết án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Các bị cáo Lê Đ. M. T và Nguyễn Đ mỗi người phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 136; điểm h Điều 48; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo **Lê Đ. M. T 02** (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ vào thời hạn tạm giữ từ ngày 04/10/2017 đến ngày 13/10/2017.

- Căn cứ khoản 1 Điều 136; điểm h khoản 1 Điều 48; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đ 01** (Một) năm **06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **03** (Ba) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Đ cho Ủy ban nhân dân phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Tách thành vụ kiện dân sự khác khi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm T. T. H có yêu cầu.

Về án phí: Các bị cáo Lê Đ. M. T và Nguyễn Đ mỗi người phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người đại diện quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Tòa án nhân dân Tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa.
- Công an thị xã Ninh Hòa;
- Thi hành án Hình sự thị xã Ninh Hòa.
- Chi cục THA DS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Trường Hải